|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**TÊN CƠ QUAN BAN HÀNH VB**Số:…./QĐ-tên viết tắt của cơ quan ban hành VB | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *……. ngày… .tháng…..năm ….* |

|  |
| --- |
| ***Mẫu số 10/QĐKTT/TXNK*** |

Mã số quản lý hải quan

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc hoàn thuế/không thu thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu(1)**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN HẢI QUAN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều….Luật quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/ 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Điều…Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Điều….Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008 ; Điều…Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Điều….Nghị định…….;

Căn cứ Điều 29 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Điều 33 (hoặc Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37) Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ;

Căn cứ….;

Căn cứ thủ tục thẩm quyền ra Quyết định hoàn tiền thuế (không thu thuế), quy định tại … Thông tư số…….ngày…….. của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu;

Xét hồ sơ đề nghị hoàn thuế/không thu thuế của người nộp thuế....Mã số thuế:… Địa chỉ:... và tờ trình số....ngày....tháng....năm....của....,(2)

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hoàn trả số tiền thuế/không thu thuế theo tờ khai số…ngày… cho người nộp thuế … Mã số thuế… , địa chỉ… với số tiền cụ thể như sau:

 *Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **LOẠI THUẾ** | **SỐ TIỀN** |
| 1 | Thuế xuất khẩu  |  |
| 2 | Thuế nhập khẩu  |  |
| 3 | Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp |  |
| 4 | Thuế tiêu thụ đặc biệt  |  |
| 5 | Thuế bảo vệ môi trường |  |
| 6 | Thuế GTGT |  |
|  | **Tổng cộng** |  |

 *(Bằng chữ:…)*

 **Điều 2.** Phần bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN) theo tờ khai/quyết định số … ngày … tháng … năm … cho *người nộp thuế … Mã số thuế* ......tại Kho bạc Nhà nước…(3)

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiền bù trừ** |
| 1 | - Thuế xuất khẩu  |  |
| 2 | - Thuế nhập khẩu  |  |
| 3 | *-* Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp |  |
| *4* | *-* Thuế tiêu thụ đặc biệt |  |
| 5 | - Thuế bảo vệ môi trường |  |
| 6 | - Thuế GTGT |  |
| 7 | - Tiền chậm nộp thuế |  |
| 8 | - Tiền phạt vi phạm hành chính  |  |
| 9 | - Khác |  |
| **10** | **Tổng cộng** |  |

*(Bằng chữ:...*)

**Điều 3.** Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:.......................đồng (4)

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiền được hoàn** |
| 1 | - Thuế xuất khẩu  |  |
| 2 | - Thuế nhập khẩu  |  |
| 3 | *-* Thuế tự vệ, thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp |  |
| 4 | - Thuế tiêu thụ đặc biệt  |  |
| 5 | - Thuế bảo vệ môi trường |  |
| 6 | - Thuế GTGT |  |
| 7 | - Tiền chậm nộp thuế |  |
| 8 | - Tiền phạt vi phạm hành chính  |  |
| 9 | - Khác |  |
| **10** | **Tổng cộng** |  |

(*Bằng chữ:...*)

Hình thức hoàn trả:

 Chuyển khoản

Số tài khoản............................. Tại ngân hàng (KBNN)………………….

 Tiền mặt

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc nhà nước……………………………..

 **Điều 4**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Người nộp thuế... Mã số thuế… và các bộ phận nghiệp vụ *…(thuộc cơ quan ra quyết định)..................* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** -Như Điều 4;- Cơ quan thuế; KBNN…- Lưu: VT,… | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:***

(1) Trường hợp hoàn tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt và thu khác nộp thừa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo Mẫu số 11/QĐHT/TXNK.

(2) Phần căn cứ pháp lý hoàn thuế/không thu thuế ghi rõ điều, khoản của văn bản quy phạm pháp luật.

(3) Điều 2 dùng để bù trừ khoản tiền được hoàn với khoản tiền phải nộp.

(4) Điều 3 áp dụng đối với trường hợp hoàn kiêm bù trừ nhưng chưa hết, người nộp thuế đề nghị hoàn trả.